

Số: 457 /XN-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0450.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG  
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Người lấy mẫu : Phan Thị Huỳnh Như  
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy nước ngầm số 1, Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.  
Ngày lấy mẫu : 13/7/2020  
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)  
Lượng mẫu : 1,5L + 500mL  
Ngày nhận mẫu : 13/07/2020  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL ,không bổ sung hoá chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                                              | Phương pháp                                           | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL)                         | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 14/07/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)                          | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 14/07/2020      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)                             | TCVN 6186- 1996 (*)                                   | 0,8                 | 2                   | 14/07/2020      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                                         | Phương pháp DPD                                       | 0,36                | 0,3 - 0,5           | 14/07/2020      |
| 5   | Clorua (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl <sup>-</sup> B - 2017 (*)             | 248,00              | 250,00              | 14/07/2020      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMEWW 2340C - 2017 (*)                                | 136,00              | 300,00              | 14/07/2020      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                          | SMEWW 2130B - 2017                                    | 0,43                | 2                   | 14/07/2020      |
| 8   | Độ màu (màu sắc) (TCU)                                | SMEWW 2120C - 2017 (*)                                | 2,14                | 15                  | 14/07/2020      |
| 9   | Mangan tổng số (mg/L)                                 | SMEWW 3500 Mn - B - 2017 (*)                          | Không phát hiện     | 0,3                 | 14/07/2020      |
| 10  | Mùi vị                                                | Cảm quan                                              | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 14/07/2020      |
| 11  | Nitrate (mg/L)                                        | TCVN 6180 - 1996                                      | 1,41                | 50                  | 14/07/2020      |
| 12  | Nitrite (mg/L)                                        | SMEWW 4500- NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> B - 2017 (*) | 0,02                | 3                   | 14/07/2020      |
| 13  | pH                                                    | TCVN 6492:2011 (*)                                    | 7,65                | 6,5 - 8,5           | 14/07/2020      |
| 14  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                  | SMEWW 3500 Fe - B - 2017                              | 0,09                | 0,3                 | 14/07/2020      |
| 15  | Sulphat (mg/L)                                        | EPA 1997 - 375.4                                      | 193,7               | 250                 | 14/07/2020      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.



Mã số mẫu: 0450.20

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày xét nghiệm |
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01/2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

**Ghi chú:** - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 7 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA XN-CĐHA-TDCN

*Ths. Quách Vĩnh Thuận*

Ths. QUÁCH VĨNH THUẬN



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

| Stt | Chỉ tiêu                                             | Phương pháp                             | Kết quả            | Tiêu chuẩn         | Ngày xét nghiệm |
|-----|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|
| 1   | Coliform tổng số (CFU/100ml)                         | ISO 9308 - 1:2014 (C)                   | 0                  | 0                  | 14/07/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100ml)                         | ISO 9308 - 1:2014 (C)                   | 0                  | 0                  | 14/07/2020      |
| 3   | Chlorophyll a (mg/L)                                 | TCVN 6180 - 1:2008 (C)                  | 0,8                | 0,8                | 14/07/2020      |
| 4   | Cu (mg/L)                                            | Phương pháp DPD                         | 0,36               | 0,3 - 0,5          | 14/07/2020      |
| 5   | Cd (mg/L)                                            | SMWW 1300 - C1 - B - 2012 (C)           | 248,00             | 250,00             | 14/07/2020      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMWW 2340C - 2012 (C)                   | 126,00             | 300,00             | 14/07/2020      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                         | SMWW 2130B - 2012 (C)                   | 0,13               | 2                  | 14/07/2020      |
| 8   | Độ màu (màu Pt-Co) (TCU)                             | SMWW 2120C - 2012 (C)                   | 2,14               | 15                 | 14/07/2020      |
| 9   | Phosphat tổng số (mg/L)                              | SMWW 3500 Mn - B - 2012 (C)             | Không phát hiện    | 0,3                | 14/07/2020      |
| 10  | Mn (mg/L)                                            | Cảm quan                                | Không có màu vì là | Không có màu vì là | 14/07/2020      |
| 11  | Nitrat (mg/L)                                        | TCVN 6180 - 1:2008 (C)                  | 1,41               | 50                 | 14/07/2020      |
| 12  | Nitrit (mg/L)                                        | SMWW 4500 NO <sub>2</sub> -B - 2012 (C) | 0,02               | 3                  | 14/07/2020      |
| 13  | pH                                                   | TCVN 6242:2011 (C)                      | 7,65               | 6,5 - 8,5          | 14/07/2020      |
| 14  | Độ cứng tổng cộng tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMWW 2340C - 2012 (C)                   | 0,09               | 0,3                | 14/07/2020      |
| 15  | Sulfat (mg/L)                                        | ET 1002 - 2012 (C)                      | 19,7               | 250                | 14/07/2020      |



Số: 458 /XN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0451.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : Phan Thị Huỳnh Như

Địa điểm lấy mẫu : Số 88 cầu đen, khóm 4, phường 8, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 13/7/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN ( TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC )

Lượng mẫu : 1,5L + 500mL

Ngày nhận mẫu : 13/07/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL ,không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                      | Phương pháp               | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------|---------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL) | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 14/07/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)  | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 14/07/2020      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)     | TCVN 6186- 1996 (*)       | 0,64                | 2                   | 14/07/2020      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                 | Phương pháp DPD           | 0,34                | 0,3 - 0,5           | 14/07/2020      |
| 5   | Độ đục (NTU)                  | SMEWW 2130B - 2017        | 0,51                | 2                   | 14/07/2020      |
| 6   | Độ màu (màu sắc) (TCU)        | SMEWW 2120C - 2017 (*)    | 1,52                | 15                  | 14/07/2020      |
| 7   | Mùi vị                        | Cảm quan                  | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 14/07/2020      |
| 8   | Sắt tổng cộng (mg/L)          | SMEWW 3500 Fe - B - 2017  | 0,05                | 0,3                 | 14/07/2020      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN ( TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XN-CĐHA-TDCN

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 7 năm 2020

K. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm